



Grant Thornton

# **Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton

(trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton  
(trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

# Nội dung

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9



# Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

## Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Kiểm toán

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

## Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm :

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Chủ Quý Dương	Chủ tịch
Ông Trần Minh Quang	Thành viên
Ông Hoàng Thế Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

  

<u>Ban Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Minh Quang	Tổng Giám đốc

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton  
(trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Trần Minh Quang**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 11 năm 2020



# Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton  
(trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton)  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số 20-11-060

Kính gửi: Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton ("Công ty"), lập vào ngày 20 tháng 11 năm 2020, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 19.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

### Số liệu so sánh

Các thông tin tài chính cho mục đích so sánh bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh tương ứng, chưa được kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với các thông tin tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích kiểm toán cho năm tài chính hiện hành.

### Góp vốn cổ phần

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 – Vốn điều lệ. Ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ sáu đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty từ 10 tỷ VNĐ lên 100 tỷ VNĐ. Tuy nhiên thời gian góp vốn thực tế của các cổ đông thực hiện từ ngày 18 tháng 4 năm 2019 đến ngày 26 tháng 12 năm 2019, sau ngày đăng ký kinh doanh sửa đổi về việc tăng vốn điều lệ, chưa phù hợp với quy định pháp lý hiện hành về việc đăng ký tăng vốn điều lệ.



CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

TNHH  
GRANT THORNTON  
(VIỆT NAM)

Nguyễn Hồng Hà

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 1710-2018-068-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 11 năm 2020

A blue handwritten signature of Trần Anh Văn.

Trần Anh Văn

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 3109-2020-068-1  
Kiểm toán viên

# Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		100	<b>126.720.971.232</b>	<b>36.292.236.833</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	4.279.368.443	131.721.519
Tiền		111	4.279.368.443	131.721.519
<hr/>				
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		130	<b>117.725.661.288</b>	<b>28.107.849.738</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	26.709.304.364	16.152.839.993
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	132	7.818.247.348	1.122.756.745
Các khoản phải thu khác	8	133	83.198.109.576	10.832.253.000
<hr/>				
<b>Hàng tồn kho</b>		140	<b>4.048.557.995</b>	<b>6.723.291.124</b>
Hàng tồn kho	9	141	4.048.557.995	6.723.291.124
<hr/>				
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		150	<b>667.383.506</b>	<b>1.329.374.452</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	106.227.065	13.209.271
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	544.192.881	1.312.062.559
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	16.963.560	4.102.622
<hr/>				
<b>Tài sản dài hạn</b>		200	<b>803.460.695</b>	<b>724.681.108</b>
<b>Tài sản cố định</b>		220	<b>411.874.549</b>	<b>543.198.553</b>
Tài sản cố định hữu hình	10	221	411.874.549	543.198.553
- Nguyên giá		222	656.620.000	656.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(244.745.451)	(113.421.447)
<hr/>				
<b>Tài sản dài hạn khác</b>		260	<b>391.586.146</b>	<b>181.482.555</b>
Chi phí trả trước dài hạn		261	391.586.146	181.482.555
<b>Tổng tài sản</b>		270	<b>127.524.431.927</b>	<b>37.016.917.941</b>

# Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Nợ phải trả		300	<b>26.670.551.203</b>	26.903.150.808
Nợ phải trả ngắn hạn		310	<b>26.670.551.203</b>	26.903.150.808
Phải trả người bán ngắn hạn	11	311	<b>11.646.403.451</b>	10.158.055.496
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	-	1.934.821.130
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	313	<b>278.884.387</b>	60.861.519
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	<b>144.000.000</b>	-
Phải trả ngắn hạn khác		319	<b>15.004.379</b>	7.982.286
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	320	<b>14.586.258.986</b>	14.741.430.377
<hr/>				
Vốn chủ sở hữu		400	<b>100.853.880.724</b>	10.113.767.133
Vốn chủ sở hữu		410	<b>100.853.880.724</b>	10.113.767.133
Vốn điều lệ	14, 15	411	<b>100.000.000.000</b>	10.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14	421	<b>853.880.724</b>	113.767.133
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	<b>113.767.133</b>	59.639.807
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	<b>740.113.591</b>	54.127.326
<b>Tổng nguồn vốn</b>		<b>440</b>	<b>127.524.431.927</b>	<b>37.016.917.941</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 11 năm 2020



Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

Hà Kiều Anh  
Người lập



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	01	100.130.185.337	35.905.669.340
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	(303.900)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	100.129.881.437	35.905.669.340
Giá vốn hàng bán	17, 21	11	(92.989.367.177)	(32.790.080.306)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	7.140.514.260	3.115.589.034
Doanh thu hoạt động tài chính		21	8.571.839	1.136.337
Chi phí tài chính	18	22	(1.437.805.691)	(354.047.599)
- Trong đó: chi phí lãi vay		23	(1.154.076.516)	(351.387.599)
Chi phí bán hàng	19, 21	25	(3.041.376.426)	(792.527.513)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	26	(1.383.221.487)	(1.573.983.170)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	1.286.682.495	396.167.089
Thu nhập khác		31	82.851.675	40.003.002
Chi phí khác		32	(411.397.711)	(345.653.757)
Lỗ khác		40	(328.546.036)	(305.650.755)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	958.136.459	90.516.334
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	51	(218.022.868)	(36.389.008)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	740.113.591	54.127.326



Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

Hà Kiều Anh  
Người lập

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế		01	958.136.459	90.516.334
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định		02	131.324.004	225.292.415
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư		05	(1.716.290)	214.192.695
Chi phí lãi vay		06	1.154.076.516	351.387.599
<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		09	<b>2.241.820.689</b>	<b>881.389.043</b>
Thay đổi các khoản phải thu		10	(88.862.802.810)	(23.814.837.317)
Thay đổi hàng tồn kho		11	2.674.733.129	(96.730.065)
Thay đổi các khoản phải trả		12	(295.451.082)	3.999.073.633
Thay đổi chi phí trả trước		13	(303.121.385)	29.123.345
Tiền lãi vay đã trả		15	(1.154.076.516)	(351.387.599)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		16	-	(10.025.635)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		20	<b>(85.698.897.975)</b>	<b>(19.363.394.595)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		21	-	(656.620.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		24	-	40.000.000
Thu lãi tiền gửi		27	1.716.290	1.136.337
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		30	<b>1.716.290</b>	<b>(615.483.663)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		31	90.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay		33	34.321.417.060	28.196.960.320
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	(34.476.588.451)	(13.455.529.943)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		40	<b>89.844.828.609</b>	<b>14.741.430.377</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		50	<b>4.147.646.924</b>	<b>(5.237.447.881)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		5 60	<b>131.721.519</b>	<b>5.369.169.400</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		5 70	<b>4.279.368.443</b>	<b>131.721.519</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 11 năm 2020



Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

Hà Kiều Anh  
Người lập

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton, trước đây là “Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton”, (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107621151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2016 và các lần sửa đổi sau đó.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ sáu đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty từ 10 tỷ VNĐ lên 100 tỷ VNĐ.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp từ “Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton” thành “Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton”.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại L06-03, Khu A, Khu đô thị Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, gia công, chế tạo và cung cấp thiết bị thay thế cho các nhà máy lọc dầu, nhiệt điện, xi măng, v.v.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 6 nhân viên (31 tháng 12 năm 2018: 6 nhân viên).

## 2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

### 2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam (“VNĐ”).

## 3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

## 4. Chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **4.6 Thuê hoạt động**

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

#### **4.7 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### **Nguyên giá**

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Phương tiện vận tải	5 năm
---------------------	-------

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định.

5/1  
T  
H  
Đ  
AI  
5/1  
T  
Y  
Á  
N  
H  
I  
E  
: O  
N  
A  
P

#### 4.8 Chi phí trả trước

##### Công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai (2) đến ba (3) năm.

#### 4.9 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa hóa đơn.

#### 4.10 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 4.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

#### 4.12 Lợi ích nhân viên

##### Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Ngoài nghĩa vụ nêu trên, Công ty không còn nghĩa vụ nào khác phải trả các khoản trợ cấp cho nhân viên khi nghỉ hưu.

##### Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

#### 4.13 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

##### Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

#### 4.14 Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

##### Doanh thu dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận dựa trên biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

#### Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

#### 4.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

#### 4.16 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 4.17 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con, các công ty liên kết và các công ty có chung nhân viên chủ chốt với Công ty.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

#### 4.18 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính riêng của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

#### Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

#### 4.19 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

#### 4.20 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

#### 4.21 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

## 5. Tiền

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	460.885.084	93.920.684
Tiền gửi ngân hàng	3.818.483.359	37.800.835
	<b>4.279.368.443</b>	<b>131.721.519</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Lọc dầu Nghi Sơn	18.269.546.703	466.620.000
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 1	6.072.154.521	738.534.400
Các khách hàng khác	2.367.603.140	1.402.097.755
	<b>26.709.304.364</b>	<b>2.607.252.155</b>
<b>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 23)</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Dân dụng và Công nghiệp	-	11.024.759.990
Công ty TNHH Clink Việt Nam	-	2.520.827.848
	-	13.545.587.838
	<b>26.709.304.364</b>	<b>16.152.839.993</b>

## 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư Xây dựng Minh Dương	2.017.831.824	-
Công ty TNHH Truyền thông và Giải pháp Công nghệ Việt VTN	3.869.913.198	-
Công ty TNHH Kỹ thương HC	1.062.087.070	-
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Song Kim	-	1.006.382.203
Các nhà cung cấp khác	868.415.256	116.374.542
	<b>7.818.247.348</b>	<b>1.122.756.745</b>

## 8. Các khoản phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng cho bên liên quan (Thuyết minh 23)	83.139.429.576	10.832.253.000
Khác	58.680.000	-
	<b>83.198.109.576</b>	<b>10.832.253.000</b>

## 9. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí sản xuất dự án dở dang	4.048.557.995	6.723.291.124
<i>Chi tiết theo dự án:</i>		
- Dự án với Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	2.327.975.927	6.712.139.924
- Dự án với Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng công ty phát điện 1	475.605.416	-
- Dự án với Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ Dịch vụ Kỹ Thuật Việt	1.104.295.516	-
- Các dự án khác	140.681.136	11.151.200
	<b>4.048.557.995</b>	<b>6.723.291.124</b>

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
1 tháng 1 năm 2019	656.620.000
31 tháng 12 năm 2019	656.620.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
1 tháng 1 năm 2019	(113.421.447)
Khấu hao trong năm	(131.324.004)
31 tháng 12 năm 2019	(244.745.451)
<b>Giá trị còn lại</b>	
1 tháng 1 năm 2019	543.198.553
31 tháng 12 năm 2019	411.874.549

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 151 triệu VNĐ được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 13).

## 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ Dịch vụ Kỹ Thuật Việt	1.358.085.429	5.876.389.100
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Song Kim	5.642.812.776	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Bình Phát	2.090.995.215	-
Công ty TNHH Kỹ thương HC	-	3.181.499.780
Các nhà cung cấp khác	2.554.510.031	1.100.166.616
	<b>11.646.403.451</b>	<b>10.158.055.496</b>



## 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2019		Trong năm		31 tháng 12 năm 2018	
	Số phải thu VNĐ	Số phải nộp VNĐ	Số đã phát sinh VNĐ	Số đã nộp VNĐ	Số phải thu VNĐ	Số phải nộp VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	(16.963.560)	-	12.073.282.958	(12.086.143.896)	(4.102.622)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	464.008.891	(464.008.891)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	278.884.387	218.022.868	-	-	60.861.519
Thuế, phí khác	-	-	6.811.574	(6.811.574)	-	-
	<b>(16.963.560)</b>	<b>278.884.387</b>	<b>12.766.126.291</b>	<b>(12.560.964.361)</b>	<b>(4.102.622)</b>	<b>60.861.519</b>

## 13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2019		Trong năm		31 tháng 12 năm 2018	
	Số dư VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Số dư VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") (i)	14.586.258.986	14.586.258.986	32.621.422.060	(30.591.593.451)	12.556.430.377	12.556.430.377
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	1.699.995.000	(1.699.995.000)	-	-
Ông Trần Minh Quang	-	-	-	(2.185.000.000)	2.185.000.000	2.185.000.000
	<b>14.586.258.986</b>	<b>14.586.258.986</b>	<b>34.321.417.060</b>	<b>(34.476.588.451)</b>	<b>14.741.430.377</b>	<b>14.741.430.377</b>

Chi tiết khoản vay như sau:

Khoản vay	Hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
BIDV (i)	01/2019/ 9188442/ HĐTD	50 tỷ VNĐ	6 tháng kể từ ngày giải ngân	7,5%/năm	Căn hộ chung cư số 2405, chung cư CT01, Khu đô thị Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội của ông Trần Minh Quang, cổ đông của Công ty.  Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số BC 787408, số vào sổ cấp GCN: CH 00005 do Ủy Ban Nhân dân Quận Thanh Xuân cấp ngày 31 tháng 8 năm 2010 của ông Hoàng Thế Liên, bên liên quan với ông Hoàng Thế Đức, cổ đông của Công ty.  Xe ô tô BMW X4 mang biển kiểm soát 30F-478.88 của Công ty

## 14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2018	10.000.000.000	59.639.807	10.059.639.807
Lợi nhuận thuần trong năm	-	54.127.326	54.127.326
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.000.000.000	113.767.133	10.113.767.133
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2019	10.000.000.000	113.767.133	10.113.767.133
Góp vốn	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	740.113.591	740.113.591
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2019	100.000.000.000	853.880.724	100.853.880.724

## 15. Vốn điều lệ

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ sáu đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty từ 10 tỷ VNĐ lên 100 tỷ VNĐ.

**Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu:**

Cổ đông	31 tháng 12 năm 2019		31 tháng 12 năm 2018	
	VND	% Sở hữu	VND	% Sở hữu
Trần Minh Quang	27.500.000.000	27,5%	2.750.000.000	27,5%
Chữ Quý Dương	27.500.000.000	27,5%	2.750.000.000	27,5%
Nguyễn Thị Bạch Tuyết	15.000.000.000	15,0%	1.500.000.000	15,0%
Trần Thanh Tùng	15.000.000.000	15,0%	1.500.000.000	15,0%
Hoàng Thế Đức	15.000.000.000	15,0%	1.500.000.000	15,0%
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Biến động vốn góp của chủ sở hữu như sau:**

	VND	Vốn điều lệ VND
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2019		10.000.000.000
Góp vốn bằng tiền		90.000.000.000
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2019		100.000.000.000

Vốn góp bằng tiền trong năm đã được các nhà đầu tư của Công ty góp đủ thông qua chuyển khoản ngân hàng từ ngày 18 tháng 4 năm 2019 đến ngày 26 tháng 12 năm 2019.

**16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	20.254.153.899	35.905.669.340
Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm nguyên vật liệu	79.876.031.438	-
	<b>100.130.185.337</b>	<b>35.905.669.340</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (Thuyết minh 23)</i>	<b>8.569.873.199</b>	24.658.813.593
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	<b>91.560.312.138</b>	11.246.855.747
	<b>100.130.185.337</b>	<b>35.905.669.340</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	20.155.782.769	32.790.080.306
Giá vốn cung cấp dịch vụ bao gồm nguyên vật liệu	72.833.584.408	-
	<b>92.989.367.177</b>	<b>32.790.080.306</b>

**18. Chi phí tài chính**

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.154.076.516	351.387.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	283.729.175	2.660.000
	<b>1.437.805.691</b>	<b>354.047.599</b>

## 19. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	262.925.000	504.527.513
Chi phí công cụ, dụng cụ	578.063.780	-
Chi phí khấu hao	86.400.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.920.282.473	288.000.000
Chi phí bằng tiền khác	193.705.173	-
	<b>3.041.376.426</b>	<b>792.527.513</b>

## 20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	439.199.103	165.571.251
Chi phí công cụ, dụng cụ	99.931.862	339.951.189
Chi phí khấu hao	44.924.004	225.292.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	689.000.061	441.663.872
Chi phí bằng tiền khác	110.166.457	401.504.443
	<b>1.383.221.487</b>	<b>1.573.983.170</b>

## 21. Chi phí hoạt động kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	92.989.367.177	32.790.080.306
Chi phí nhân viên	702.124.103	670.098.764
Chi phí công cụ, dụng cụ	677.995.642	339.951.189
Chi phí khấu hao	131.324.004	225.292.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.609.282.534	729.663.872
Chi phí bằng tiền khác	303.871.630	401.504.443
	<b>97.413.965.090</b>	<b>35.156.590.989</b>

## 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất TNDN chung. Theo Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, mức thuế suất TNDN chung là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	958.136.459	90.516.334
<i>Các khoản điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí không được trừ	131.977.883	91.428.706
Thu nhập chịu thuế ước tính	1.090.114.342	181.945.040
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>218.022.868</b>	<b>36.389.008</b>

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

### Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể.

## 23. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
			VNĐ	VNĐ
Trần Minh Quang	Tổng Giám đốc	Tạm ứng (i)	20.000.000.000	10.832.253.000
		Góp vốn	24.750.000.000	-
		Vay ngắn hạn	-	2.185.000.000
Chữ Quý Dương	Chủ tịch	Tạm ứng (ii)	66.000.000.000	-
		Góp vốn	24.750.000.000	-
Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Cổ đông	Góp vốn	13.500.000.000	-
Trần Thanh Tùng	Cổ đông	Góp vốn	13.500.000.000	-
Hoàng Thế Đức	Cổ đông	Góp vốn	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển				
Dân dụng và Công nghiệp	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng và dịch vụ	6.681.812.499	17.064.621.793
Công ty TNHH Clink Việt Nam	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng và dịch vụ	1.888.060.700	7.594.191.800

Ngoài số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty còn có các số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Diễn giải	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
			VNĐ	VNĐ
Trần Minh Quang	Tổng Giám đốc	Tạm ứng (i)	17.139.429.576	10.832.253.000
Chữ Quý Dương	Chủ tịch	Tạm ứng (ii)	66.000.000.000	-
			83.139.429.576	10.832.253.000
Công ty Cổ phần Phát triển				
Dân dụng và Công nghiệp	Cùng chủ sở hữu	Phải thu thương mại	-	11.024.759.990
Công ty TNHH Clink Việt Nam	Cùng chủ sở hữu	Phải thu thương mại	-	2.520.827.848
			-	13.545.587.838

(i) Trong năm 2018 và 2019, Công ty đã tạm ứng cho ông Trần Minh Quang, Tổng Giám đốc, để thực hiện các giao dịch đặt cọc và thương thảo hợp đồng của Công ty với các đối tác. Các lần tạm ứng đã được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty. Số dư tạm ứng được hoàn ứng theo tiến độ công việc.

(ii) Trong năm 2019, Công ty đã tạm ứng cho ông Chữ Quý Dương, Chủ tịch, để thực hiện các Thỏa thuận Hợp tác Kinh doanh tiềm năng. Các lần tạm ứng đã được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty. Tuy nhiên, theo Biên bản Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh và thu hồi khoản tiền tạm ứng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty đã thu hồi lại khoảng 53 tỷ VNĐ.

### Bảo lãnh khoản vay

Như trình bày tại Thuyết minh 13 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản vay ngân hàng của Công ty được bảo lãnh bằng tài sản của các cá nhân là bên liên quan của Công ty.

## 24. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của thành viên Ban Giám đốc như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lương và các khoản lợi ích khác	110.785.955	109.200.000

## 25. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp từ “Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton” thành “Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton”.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

## 26. Thông tin so sánh

Các thông tin tài chính cho mục đích so sánh bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh tương ứng, chưa được kiểm toán.

## 27. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.



Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

Hà Kiều Anh  
Người lập



...  
E  
E  
...





---

[grantthornton.com.vn](http://grantthornton.com.vn)

©2022 Grant Thornton (Vietnam) Limited. All rights reserved.

'Grant Thornton' refers to the brand under which the Grant Thornton member firms provide assurance, tax and advisory services to their clients and/or refers to one or more member firms, as the context requires.

Grant Thornton Vietnam is a member firm of Grant Thornton International Ltd (GTIL). GTIL and the member firms are not a worldwide partnership. GTIL and each member firm is a separate legal entity. Services are delivered by the member firms. GTIL does not provide services to clients.

GTIL and its member firms are not agents of, and do not obligate, one another and are not liable for one another's acts or omissions.